TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Ông Huỳnh Trường Huân.

- *Thư ký ghi biên bản*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139 ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 473, ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Võ Duy L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 5, ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T vắng có đơn; ông L vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Trần Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông L là do mai mối, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn sống chung với gia đình ông L một thời gian, hai vợ chồng cùng đi làm công nhân ở Bình Dương. Đến khoảng năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông L không chí thú làm ăn, vướng vào tệ nạn xã hội, không quan tâm chăm lo cho gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng nhiều bất đồn, không còn hạnh phúc. Nhiều lần được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống, đến năm 2016 bà và ông L ly thân nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Võ Kim B, sinh ngày 10/3/2008, hiện nay cháu B đang sống với bà T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông L.

Cháu Võ Kim B có văn bản trình bày ý kiến: Ông L là cha ruột, bà Linh là mẹ ruột của cháu, cha mẹ cháu đã không sống chung với nhau khoảng 5, 6 năm nay. Cháu đang học lớp 9 trường Trung học cơ sở K, hiện cháu đang sống cùng mẹ và dì. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông L theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông L và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản của Công an xã K cung cấp ông Võ Duy L, sinh năm 1987, cư trú tại tổ 5, ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Ông L

có cha tên Võ Văn n, mẹ tên Lương Thị E hiện cư trú cùng địa chỉ. Ông L không có thông tin tạm trú và thông tin thực hiện tách chuyển đi nơi khác, nhân khẩu vẫn do Công an xã K quản lý.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trần Thị Kim B là chị ruột của bà T cho biết vợ chồng ông L – bà T là do mai mối, được gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã K. Nguyên nhân khiến bà T xin ly là do ông L ham chơi không lo làm ăn, cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Đến năm 2016, bà và ông L xảy ra tranh cãi nghiêm trọng, bà T về sống với bà và ly thân với ông L đến nay. Ông L và gia đình cũng không liên hệ hàn gắn tình cảm cho cả hai. Nay bà T xin ly hôn bà không có ý kiến, tùy bà T quyết định.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T chung sống với ông L đến năm 2016 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông L hiện có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông L xây dựng gia đình thông qua sự mai mối của gia đình hai bên, tự nguyện tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 28/02/2007 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông L. Tại phiên hòa giải, bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm, ông L nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặt không có ý định hàn gắn tình cảm với bà T.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2016 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là ông L vướng vào tệ nạn xã hội, không chí thú làm ăn, bỏ bê gia đình dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, ông bà đã không sống chung với nhau khoảng 5, 6 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Kim B là chị ruột của bà T. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Kim B, sinh ngày 10/3/2008, hiện nay cháu B đang sống với bà T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của bà T về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà T cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Quan trọng hơn cháu B có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bình cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Võ Duy L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 ngày 28/02/2007 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông Võ Duy L và bà Trần Thị Kim T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim T được tiếp tục nuôi Võ Kim B, sinh ngày 10/3/2008.

Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008173 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà T nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2023) thời hạn kháng cáo của bà T và ông L được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thảo Ngân

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp;
- Lưu hs.